TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-PT

Ngày: 09/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết, bà Phạm Thị Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 166/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Quang T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- *Bị cáo kháng cáo:* Phạm Quang T, sinh năm 1971 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: Số 56 T, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Số 52/337 C, phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Nguyên Chánh thanh tra Sở thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương (nghỉ việc ngày 12/01/2022); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Lê Thị Đ; có vợ và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố D từ ngày 08/02/2022 đến ngày 12/3/2022; hiện tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vương Đình Th, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn Ô Mễ, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 3/2015, ông Vương Đình Th đến nhà ông Nguyễn Đức D ở cùng thôn chơi và gặp ông Đặng Văn K. Qua nói chuyện, biết ông Khiển quen biết Phạm Quang T khi đó đang là Chánh Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương; ông Th đã nhờ ông K hỏi T xin việc làm cho con trai là

anh Vương Đình B tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ địa chất chuyên ngành Công nghệ thông tin vào làm việc tại Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương, ông K đồng ý.

Đầu tháng 4/2015, ông K, ông D đến Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương tại số 199 L, phường B, thành phố D gặp và nhờ T xin cho anh B vào làm việc tại Sở. T nói Sở đang có 02 chỉ tiêu công nghệ thông tin, bảo mang theo hồ sơ lên, nếu được thì sẽ làm thủ tục tiếp theo. Ngày 12/4/2015, ông D, ông Th và anh B đến Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương gặp và đưa 01 bộ hồ sơ gồm bản sao bằng tốt nghiệp đại học, bản sao các chứng chỉ, giấy khám sức khỏe, sơ yếu lý lịch của anh B cho T. Tuy không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng công chức, viên chức nhưng T vẫn hứa hẹn và thỏa thuận sẽ xin cho anh B vào làm việc tại Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương với chi phí là 350.000.000 đồng. Tin lời T nên khoảng 10 giờ ngày 16/4/2015, ông Th mang số tiền 350.000.000 đồng đến phòng làm việc của T và giao tiền cho T, gồm 07 tập, mỗi tập có 100 tờ tiền loại polyme mệnh giá 500.000 đồng (có ông K, ông D đi cùng ông Th). Sau khi nhận tiền, T hứa hẹn đến tháng 8/2015 thì anh B sẽ được tuyển dụng vào làm việc tại Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương. Số tiền 350.000.000 đồng, T đã sử dụng, chi tiêu hết. Đến tháng 8/2015, anh B không được nhận vào làm việc tại Sở thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương, T vẫn hứa hẹn sẽ xin việc cho anh B, không trả lại tiền cho ông Th. Đến năm 2017, thấy anh B vẫn chưa được đi làm, ông Th yêu cầu T trả lại tiền, T hứa hẹn nhiều lần, vẫn không trả lại tiền cho ông Th. Ngày 08/5/2019, ông Th có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D. Ngày 30/9/2020, ông Th cung cấp 01 giấy biên nhận đề ngày 27/6/2019 của Phạm Quang T.

Tại kết luận giám định số 84 ngày 09/11/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Quang T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1- M7) là do cùng một người viết, ký ra.

Ngày 16/11/2021, T trả lại số tiền 350.000.000 đồng cho ông Th.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố D đã căn cứ vào khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Phạm Quang T 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/10/2022, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Phạm Quang T nguyên là Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng công chức, viên chức vào làm việc tại Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương nhưng T đã hứa hẹn với ông Vương Đình Th là sẽ xin cho anh Vương Đình B (là con trai ông Th) được vào làm việc tại Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương với chi phí xin việc là 350.000.000 đồng. Ngày 16/4/2015, ông Th đã giao cho T số tiền 350.000.000 đồng, T chiếm đoạt, sử dụng, chi tiêu hết số tiền này. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Về tội danh Viện kiểm sát không kháng nghị và bị cáo và bị hại không kháng cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, đã tham gia quân ngũ được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng Bằng khen trong công tác, bị cáo có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến và bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo xuất trình Biên bản giám định y khoa, theo đó bị cáo bị suy giảm 90% sức khỏe do mắc nhiều loại bệnh khác nhau và xét hậu quả của hành vi do bị cáo thực hiện đã được khắc phục toàn bộ, Hội đồng xét xử chiếu cố giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Quang T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với Phạm Quang T

2. Điều luật áp dụng và hình phạt

Căn cứ khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 03 năm 06 tháng tù được trừ 33 ngày tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 03 năm 04 tháng 27 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố D;
- CQCSĐT - CA thành phố D;
- CQTHAS - CA tỉnh Hải Dương
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Trần Hữu Hiệu